

Số: /TB-UBND

Quảng Xương, ngày tháng năm 2022

THÔNG BÁO

V/v lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân (quyền sử dụng đất ở tại Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa)

Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân (quyền sử dụng đất ở tại Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) với các nội dung sau:

1. Tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có tài sản đấu giá:

1.1. Cơ quan có tài sản đấu giá:

- Tên cơ quan có tài sản đấu giá: UBND huyện Quảng Xương
- Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- Tên đơn vị: UBND huyện Quảng Xương.
- Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

2.1. Tên tài sản:

- Quyền sử dụng đất ở tại MBQH kèm theo Quyết định số 5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 thuộc Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương.

2.2. Số lượng:

- Tổng diện tích đất tổ chức đấu giá là 29.832,9 m², gồm 206 lô.

2.3. Chất lượng:

- Dự kiến tiền sử dụng đất tối thiểu thu được là: **335.250.491.000** đồng (Ba trăm ba mươi lăm tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng chẵn).

2.4. Địa điểm, vị trí:

Các lô đất đưa ra đấu giá tại MBQH kèm theo Quyết định số 5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 thuộc Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, có giới hạn như sau:

- + Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp.
- + Phía Tây: Giáp khu dân cư.
- + Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp.
- + Phía Bắc: Giáp đường giao thông.

3. Mục đích, hình thức giao đất, thời gian sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở;
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;
- Thời gian sử dụng đất: Lâu dài.

4. Hình thức đấu giá:

- Đấu giá theo 01m² đất để tính QSD đất tại MBQH kèm theo QĐ số 5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 thuộc Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương) để làm nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân.

- Phương thức đấu giá: Đấu giá theo phương thức trả giá lên.
- Đấu giá theo hình thức gián tiếp, đấu 01 (một) vòng duy nhất, với nội dung như sau:

+ Khi đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá được nhận phiếu trả giá, hướng dẫn về cách ghi phiếu, thời hạn nộp phiếu trả giá và buổi công bố giá; được tổ chức đấu giá tài sản giới thiệu từng tài sản đấu giá, nhắc lại giá khởi điểm trong trường hợp công khai giá khởi điểm, trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá và các nội dung khác theo Quy chế cuộc đấu giá.

- Phiếu trả giá của người tham gia đấu giá phải được bọc bằng chất liệu bảo mật, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu. Phiếu trả giá được gửi qua đường bưu chính hoặc được nộp trực tiếp và được tổ chức đấu giá tài sản bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu.

+ Tại buổi công bố giá đã trả của người tham gia đấu giá, đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá giới thiệu bản thân, người giúp việc; đọc Quy chế cuộc đấu giá; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá; công bố số phiếu phát ra, số phiếu thu về.

+ Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát về sự nguyên vẹn của thùng phiếu. Nếu không còn ý kiến nào khác về kết quả giám sát thì đấu giá viên tiến hành bóc niêm phong của thùng phiếu.

+ Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát sự nguyên vẹn của từng phiếu trả giá; tiến hành bóc từng phiếu trả

giá, công bố số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất và công bố người có phiếu trả giá cao nhất là người trúng đấu giá.

+ Lô đất có người trúng đấu giá là lô đất phải có tối thiểu hai phiếu trả giá bằng hoặc cao hơn giá khởi điểm.

- Trường hợp có từ 02 (hai) người trở lên trả giá cao nhất bằng nhau. Đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp 1 vòng (Mức giá cho vòng đấu giá bổ sung là 1% cộng với mức giá trả cao nhất của vòng 1). Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

5. Giá khởi điểm để đấu giá:

- Theo Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện Quảng Xương về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá QSD đất tại MBQH kèm theo Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND huyện Quảng Xương (Được điều chỉnh tại QĐ số 5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021) thuộc Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, cụ thể như sau:

Stt	Tên Lô số	Tên MBQH	Diện tích 1 Lô (m ²)	Số Lô	Tổng diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
1	Lô LKA:01 và lô LKA:18	5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	113	2	226,0	16.000.000	3.616.000.000
2	Từ lô LKA:02 tới lô LKA:17		111	16	1.776,0	13.300.000	23.620.800.000
3	Lô LKA:19 và lô LKA:36		113	2	226,0	13.800.000	3.118.800.000
4	Từ lô LKA:20 tới lô LKA:35		111	16	1.776,0	11.500.000	20.424.000.000
5	Lô LKB:01		130,7	1	130,7	16.000.000	2.091.200.000
6	Từ lô LKB:02 tới lô LKB:18		111	17	1.887,0	13.300.000	25.097.100.000
7	Lô LKB:19		130,3	1	130,3	16.000.000	2.084.800.000
8	Lô LKB:20		130,3	1	130,3	13.800.000	1.798.140.000
9	Từ lô LKB:21 tới lô LKB:37		111	17	1.887,0	11.500.000	21.700.500.000
10	Lô LKB:38		130,7	1	130,7	13.800.000	1.803.660.000
11	Lô LKC:01		167,7	1	167,7	16.000.000	2.683.200.000

Stt	Tên Lô số	Tên MBQH	Diện tích 1 Lô (m ²)	Số Lô	Tổng diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
12	Từ lô LKC:02 tới lô LKC:07	5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	111	6	666,0	13.300.000	8.857.800.000
13	Từ lô LKC:08 tới lô LKC:13		111	6	666,0	11.500.000	7.659.000.000
14	Lô LKC:14		167,7	1	167,7	13.800.000	2.314.260.000
15	Lô LKD:01		102	1	102,0	12.770.000	1.302.540.000
16	Từ lô LKD:02 tới lô LKD:09		100	8	800,0	10.640.000	8.512.000.000
17	Từ lô LKD:10 tới lô LKD:17		100	8	800,0	8.000.000	6.400.000.000
18	Lô LKD:18		102	1	102,0	9.600.000	979.200.000
19	Lô LKE:01		133,8	1	133,8	12.770.000	1.708.626.000
20	Từ lô LKE:02 tới lô LKE:20		100	19	1.900,0	10.640.000	20.216.000.000
21	Lô LKE:21		131,8	1	131,8	12.770.000	1.683.086.000
22	Lô LKE:22		131,8	1	131,8	9.600.000	1.265.280.000
23	Từ lô LKE:23 tới lô LKE:41		100	19	1.900,0	8.000.000	15.200.000.000
24	Lô LKE:42		133,8	1	133,8	9.600.000	1.284.480.000
25	Lô LKF:01		102,1	1	102,1	16.000.000	1.633.600.000
26	Từ lô LKF:02 tới lô LKF:08		100	7	700,0	10.640.000	7.448.000.000
27	Lô LKF:09		98	1	98,0	12.770.000	1.251.460.000
28	Lô LKG:01		127	1	127,0	12.770.000	1.621.790.000
29	Lô LKG:02 và lô LKG:03		110	2	220,0	10.640.000	2.340.800.000
30	Lô LKG:04		110	1	110,0	8.000.000	880.000.000
31	Lô LKG:05		110	1	110,0	7.000.000	770.000.000
32	Lô BT1:01 và lô BT1:16		278,8	2	557,6	12.770.000	7.120.552.000
33	Từ lô BT1:02 tới lô BT1:07; từ lô BT1:10 tới lô BT1:15		240,5	12	2.886,0	10.640.000	30.707.040.000
34	Lô BT1:08 và lô BT1:09		280,2	2	560,4	12.770.000	7.156.308.000
35	Lô BT2:01; lô BT2:04; lô BT2:05; lô BT2:08		245,7	4	982,8	12.770.000	12.550.356.000

Stt	Tên Lô số	Tên MBQH	Diện tích 1 Lô (m ²)	Số Lô	Tổng diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
36	Lô BT2:02 và lô BT2:03; lô BT2:06 và lô BT2:07	5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	240,5	4	962,0	11.700.000	11.255.400.000
37	Lô BT3:01 và lô BT3:06		315,7	2	631,4	12.770.000	8.062.978.000
38	Từ lô BT3:02 tới lô BT3:05		259	4	1.036,0	10.640.000	11.023.040.000
39	Lô BT4:01		352	1	352,0	12.770.000	4.495.040.000
40	Từ lô BT4:02 tới lô BT4:06		320	5	1.600,0	10.640.000	17.024.000.000
41	Lô BT4:07		371,5	1	371,5	12.770.000	4.744.055.000
42	Lô BT4:08		371,5	1	371,5	9.600.000	3.566.400.000
43	Từ lô BT4:09 tới lô BT4:13		320	5	1.600,0	8.000.000	12.800.000.000
44	Lô BT4:14		352	1	352,0	9.600.000	3.379.200.000
Tổng cộng				206	29.832,9		335.250.491.000

- Mức tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp, cụ thể như sau:

Stt	Tên lô	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/hồ sơ)
1	Lô LKA:01 và lô LKA:18	500.000	361.600.000
2	Từ lô LKA:02 tới lô LKA:17	500.000	295.260.000
3	Lô LKA:19 và lô LKA:36	500.000	311.880.000
4	Từ lô LKA:20 tới lô LKA:35	500.000	255.300.000
5	Lô LKB:01	500.000	418.240.000
6	Từ lô LKB:02 tới lô LKB:18	500.000	295.260.000
7	Lô LKB:19	500.000	416.960.000
8	Lô LKB:20	500.000	359.628.000
9	Từ lô LKB:21 tới lô LKB:37	500.000	255.300.000
10	Lô LKB:38	500.000	360.732.000
11	Lô LKC:01	500.000	536.640.000

Stt	Tên lô	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/hồ sơ)
12	Từ lô LKC:02 tới lô LKC:07	500.000	295.260.000
13	Từ lô LKC:08 tới lô LKC:13	500.000	255.300.000
14	Lô LKC:14	500.000	462.852.000
15	Lô LKD:01	500.000	260.508.000
16	Từ lô LKD:02 tới lô LKD:09	500.000	212.800.000
17	Từ lô LKD:10 tới lô LKD:17	500.000	160.000.000
18	Lô LKD:18	500.000	195.840.000
19	Lô LKE:01	500.000	341.725.000
20	Từ lô LKE:02 tới lô LKE:20	500.000	212.800.000
21	Lô LKE:21	500.000	336.617.000
22	Lô LKE:22	500.000	253.056.000
23	Từ lô LKE:23 tới lô LKE:41	500.000	160.000.000
24	Lô LKE:42	500.000	256.896.000
25	Lô LKF:01	500.000	326.720.000
26	Từ lô LKF:02 tới lô LKF:08	500.000	212.800.000
27	Lô LKF:09	500.000	250.292.000
28	Lô LKG:01	500.000	324.358.000
29	Lô LKG:02 và lô LKG:03	500.000	234.080.000
30	Lô LKG:04	500.000	176.000.000
31	Lô LKG:05	500.000	154.000.000
32	Lô BT1:01 và lô BT1:16	500.000	712.055.000
33	Từ lô BT1:02 tới lô BT1:07; từ lô BT1:10 tới lô BT1:15	500.000	511.784.000
34	Lô BT1:08 và lô BT1:09	500.000	715.631.000
35	Lô BT2:01; lô BT2:04; lô BT2:05; lô BT2:08	500.000	627.518.000
36	Lô BT2:02 và lô BT2:03; lô BT2:06 và lô BT2:07	500.000	562.770.000
37	Lô BT3:01 và lô BT3:06	500.000	806.298.000
38	Từ lô BT3:02 tới lô BT3:05	500.000	551.152.000
39	Lô BT4:01	500.000	899.008.000

Stt	Tên lô	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/hồ sơ)
40	Từ lô BT4:02 tới lô BT4:06	500.000	680.960.000
41	Lô BT4:07	500.000	948.811.000
42	Lô BT4:08	500.000	713.280.000
43	Từ lô BT4:09 tới lô BT4:13	500.000	512.000.000
44	Lô BT4:14	500.000	675.840.000

6. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	11,0
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>	6,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá	8,0
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá đảm bảo an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá</i>	4,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai minh bạch, khách quan</i>	4,0
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giú</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
2	<p>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</p>	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	<p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập từ trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</p>	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	<p>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</p>	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	<p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</p>	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3, hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	<i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	<i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i>	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Tổng số điểm	100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Đủ điều kiện
2	<i>Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Không đủ điều kiện

Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

7. Phương pháp đánh giá để lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Việc đánh giá dựa trên bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản tại mục 6 và dựa trên Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức đấu giá tài sản được chọn là tổ chức có tổng điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ 2 tổ chức đấu giá tài sản trở lên có cùng tổng điểm cao nhất bằng nhau thì UBND huyện Quảng Xương xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

- Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn mà chỉ có một tổ chức đấu giá tài sản đăng ký thì UBND huyện Quảng Xương xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức đó nếu đáp ứng quy định của Luật Đấu giá Tài sản, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp và pháp luật có liên quan.

- Giải quyết kiến nghị, thắc mắc: Căn cứ theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và Luật Đấu thầu.

8. Thành phần hồ sơ nộp đăng ký tham gia:

- Đơn đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản (bản chính) (kèm theo phương án đấu giá).

- Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực, hồ sơ chứng minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, chứng minh năng lực, kinh nghiệm, uy tín của tổ chức đấu giá tài sản và các hồ sơ khác tương ứng với các tiêu chí tại mục 6. *Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá.*

9. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Trong thời hạn 3 ngày làm việc (kể từ ngày đăng thông báo trên trang thông tin điện tử của huyện, cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Thanh Hóa,

trang thông tin điện tử về tài sản công và Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản). Chỉ nhận hồ sơ trong giờ hành chính.

- Địa điểm: UBND huyện Quảng Xương (qua phòng Tài chính – Kế hoạch huyện).

Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Hồ sơ đã nộp để đăng lý tham gia không được hoàn trả lại.

Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản được biết để đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các PCT UBND huyện;
- Cổng TT điện tử UBND huyện;
- Cổng TT điện tử UBND tỉnh;
- Trang TT điện tử về tài sản công;
- Cổng TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Các cá tổ chức, đơn vị liên quan;
- Lưu VT, TC-KH..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Dự